

Số: /2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư, bao gồm:

1. Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC NGHỊ ĐỊNH PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ

Mục 1

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 136/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp phép nhập khẩu giống thủy sản chưa có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu giống thủy sản;
- b) Ảnh chụp hoặc bản vẽ mô tả loài thủy sản đăng ký nhập khẩu kèm theo tên tiếng Việt, tên khoa học, tên tiếng Anh (nếu có);
- c) Bản chính đề cương nghiên cứu được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu khoa học);
- d) Tài liệu chứng minh về việc tham gia hội chợ, triển lãm; phương án xử lý loài thủy sản sau khi hội chợ, triển lãm kết thúc (đối với trường hợp nhập khẩu để trưng bày tại hội chợ, triển lãm).

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

- a) Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu giống thủy sản theo Mẫu số 01;
- b) Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản theo Mẫu số 02.

Điều 4. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản;
- b) Bản chính đề cương khảo nghiệm giống thủy sản.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

- a) Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 03;
- b) Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 04;
- c) Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản và hướng dẫn kiểm tra điều kiện cơ sở theo Mẫu số 05;
- d) Quyết định phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 06;
- đ) Quyết định công nhận giống thủy sản đã khảo nghiệm theo Mẫu số 07.

Điều 5. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm;

b) Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam (đối với trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm) có đầy đủ nội dung về thời gian tổ chức, địa điểm tổ chức, thông tin sản phẩm (tên sản phẩm, thành phần chính, công dụng, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản), số lượng, khối lượng, phương án xử lý sản phẩm khi kết thúc hội chợ, triển lãm và trách nhiệm của các bên liên quan;

c) Bản chính đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu).

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm theo Mẫu số 08;

b) Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 09.

Điều 6. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký khảo nghiệm;
- b) Đề cương khảo nghiệm;
- c) Bản thuyết minh điều kiện của cơ sở thực hiện khảo nghiệm.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 10;

b) Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 11;

c) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 12;

d) Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và hướng dẫn kiểm tra theo Mẫu số 13;

đ) Quyết định phê duyệt Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 14;

e) Quyết định công nhận thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm theo Mẫu số 15.

Điều 7. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu, trình tự thực hiện thủ tục cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển

1. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

2. Trường hợp khu vực biển đề nghị cấp phép nằm giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp phép đến 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ quan thẩm định của tỉnh, thành phố tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm lấy ý kiến các tỉnh, thành phố còn lại và bổ sung thêm các tỉnh, thành phố tại mục “nơi nhận” của giấy phép.

Điều 8. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp phép nhập khẩu tàu cá

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá;
- b) Hợp đồng nhập khẩu tàu cá hoặc hợp đồng thuê tàu trần;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc hồ sơ phân cấp tàu cá còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm của nước có tàu cấp;

d) Giấy xóa đăng ký tàu cá, Giấy xác nhận tàu cá không vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu cá đã qua sử dụng; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng đóng tàu, đối với tàu cá đóng mới; Hồ sơ gốc của tàu (bản vẽ thiết kế tàu, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc vỏ, máy và các trang thiết bị trên tàu).

2. Hồ sơ nêu tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này phải dịch ra tiếng Việt.

3. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá theo Mẫu số 16;

b) Quyết định về việc cho phép nhập khẩu tàu cá theo Mẫu số 17.

4. Giấy phép nhập khẩu tàu cá phải gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu tàu cá đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu cá đăng ký hộ khẩu thường trú, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Thủy sản và Kiểm ngư), Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cục Hải quan.

Điều 9. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do trung ương quản lý)

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá;

b) Hồ sơ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 18;

b) Biên bản kiểm tra cơ sở đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 19;

c) Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá kèm Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 20;

d) Dấu, ấn chỉ nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá và nguyên tắc sử dụng theo Mẫu số 21.

Điều 10. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản do trung ương quản lý)

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại;

b) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá cũ trong trường hợp hư hỏng, thay đổi thông tin.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 22;

b) Quyết định về việc cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá kèm Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 20.

Điều 11. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)

1. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

b) Bản sao/bản chụp Văn bản ký kết hợp tác quốc tế cấp quốc gia về cho, tặng, trao đổi loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đối với trường hợp khai thác vì mục đích hợp tác quốc tế;

c) Bản sao/bản chụp Quyết định phê duyệt đề cương nghiên cứu khoa học, bảo tồn, nghiên cứu tạo giống ban đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thuyết minh đề cương bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu đối với trường hợp khai thác vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu;

d) Bản sao/bản chụp Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đề nghị cấp văn bản chấp thuận đối với trường hợp nghiên cứu khoa học, bảo tồn, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Mẫu Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 23;

b) Mẫu Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 24.

Mục 2

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
131/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY
ĐỊNH PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA
PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 12. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;
- b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;
- c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;
- d) Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

- a) Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 25;
- b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 26;
- c) Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 27;
- d) Biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 28;
- đ) Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 29.

Điều 13. Thành phần hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;
- b) Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;
- c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;
- đ) Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng.

2. Biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính ban hành kèm theo Thông tư này:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 30;
- b) Biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 28;
- c) Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 31.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Sửa đổi điểm a và b khoản 2 Điều 5 như sau:

“a) Trước 12:00 giờ hằng ngày, nhân viên thú y xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình ổ dịch đã được Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh xác nhận;

b) Trước 16:00 giờ hằng ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;”

2. Sửa đổi điểm a và b khoản 2 Điều 16 như sau:

“a) Hướng dẫn nhân viên thú y xã và chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản thu hoạch động vật thủy sản, giám sát việc thu hoạch và áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 33 Luật Thú y, bảo đảm không làm lây lan dịch bệnh;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản, người mua bán, vận chuyển động vật thủy sản thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y để ngăn chặn dịch bệnh động vật lây lan theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Thú y;”

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 18 như sau:

“a) Căn cứ kết quả xét nghiệm xác định mầm bệnh của phòng thử nghiệm quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 6 Điều 14 Thông tư này hoặc văn bản của Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kết luận động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới theo quy định của

pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức tiêu hủy động vật thủy sản; báo cáo Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh để theo dõi và hỗ trợ chuyên môn;”

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 28 như sau:

“4. Tổ chức tập huấn về phòng, chống dịch bệnh cho cán bộ thú y và người nuôi thủy sản; hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn cho các cơ sở nuôi trên địa bàn quản lý.”

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ liên quan đến Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản được sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

a) Thay thế các cụm từ: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường”; “Cục Thú y” bằng cụm từ “Cục Chăn nuôi và Thú y”; “Cục Thủy sản” bằng cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư”; “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”;

b) Thay thế cụm từ “Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại: điểm c khoản 1 và khoản 5 Điều 5; khoản 6 và điểm c, đ và e khoản 7 Điều 10; khoản 2 Điều 12; điểm b khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 16; khoản 4 Điều 17; khoản 5 Điều 24; khoản 3, khoản 6 Điều 28;

c) Bãi bỏ cụm từ “cơ quan quản lý thủy sản cấp huyện” tại khoản 6 Điều 9.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; ý kiến của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển thông qua hình thức biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến đối với dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Hồ sơ thẩm định dự án:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh;

b) Dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh theo Mẫu số 32 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; ý kiến của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển;

d) Tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Trình tự thẩm định dự án:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành và chủ trì thẩm định theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Hội đồng thẩm định liên ngành gồm ít nhất 07 thành viên do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch; các thành viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan và chuyên gia trong lĩnh vực thủy sản, đa dạng sinh học;

c) Tổ chức họp Hội đồng và ban hành văn bản thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn biển của Hội đồng thẩm định liên ngành”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh

1. Sau khi có văn bản thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh của Hội đồng thẩm định liên ngành, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình thành lập khu bảo tồn biển.

2. Hồ sơ trình thành lập khu bảo tồn biển:

a) Tờ trình đề nghị thành lập khu bảo tồn biển;

b) Dự án thành lập khu bảo tồn biển (đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành);

c) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; ý kiến của cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển;

d) Văn bản thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn biển của Hội đồng thẩm định liên ngành;

đ) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định liên ngành;

e) Tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh.

4. Nội dung Quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh theo Mẫu số 33 ban hành kèm theo Thông tư này”.

4. Bổ sung Điều 10a sau Điều 10 như sau:

“Điều 10a. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

a) Ban quản lý khu bảo tồn biển có văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

b) Ban quản lý khu bảo tồn biển chủ trì xây dựng dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh chủ trì tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển về phương án điều chỉnh, bảo đảm tối thiểu 70% ý kiến cộng đồng dân cư và có văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm góp ý bằng văn bản;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

2. Hồ sơ gửi thẩm định gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

b) Báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

c) Bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan; ý kiến cộng đồng dân cư sống hợp pháp trong và xung quanh khu bảo tồn biển khu vực dự kiến điều chỉnh;

d) Tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Nội dung thẩm định:

a) Sự cần thiết phải điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển (cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn);

b) Mục tiêu điều chỉnh;

c) Phương án điều chỉnh;

d) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử;

đ) Kinh phí thực hiện;

e) Giải pháp tổ chức thực hiện.

4. Quy trình thẩm định:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hội đồng thẩm định liên ngành gồm ít nhất 07 thành viên là lãnh đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan và các chuyên gia trong lĩnh vực thủy sản, đa dạng sinh học do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch hội đồng và tổ chức thẩm định theo nội dung tại khoản 3 Điều này;

c) Tổ chức họp Hội đồng và ban hành văn bản thẩm định dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển của Hội đồng thẩm định liên ngành;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định liên ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển;

đ) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển. Trường hợp không ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

5. Báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển theo Mẫu số 34, Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển theo Mẫu số 35 ban hành kèm theo Thông tư này”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 11 như sau:

“1. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được giao cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh hoặc chính quyền cấp xã hoặc tổ chức cộng đồng để quản lý.

2. Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quản lý như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh hoặc chính quyền cấp xã được giao quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải xây dựng và ban hành quy chế quản lý, kế hoạch quản lý phù hợp với điều kiện thực tế tại mỗi khu vực.

5. Quy định chế độ báo cáo về công tác quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản như sau:

c) Báo cáo về công tác quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 36 ban hành kèm theo Thông tư này”.

6. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 16 như sau:

“d) Gửi hồ sơ trình thành lập khu bảo tồn biển theo quy định tại khoản 2 Điều 10, hồ sơ trình điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển theo quy định tại khoản 2 Điều 10a sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Thủy sản và Kiểm ngư) để tổng hợp, theo dõi”.

7. Bãi bỏ Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Trong thời gian các quy định của Thông tư này có hiệu lực, nếu quy định về thành phần hồ sơ, biểu mẫu, trình tự trong Thông tư này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ, biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.
2. Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản, quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, tiếp tục triển khai theo chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được phê duyệt.
3. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá sau khi được phân quyền, phân cấp có trách nhiệm kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở đăng kiểm tàu cá trong thời hạn 24 tháng tính từ ngày Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá có hiệu lực.
4. Đối với dự án thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh hoặc dự án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định liên ngành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện cho đến khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hoặc phát hiện những vấn đề mới phát sinh, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Cục Thủy sản và Kiểm ngư để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo Chính phủ; Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TSKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến